TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2020/DS-ST
Ngày: 30/9/2020.
"V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phước Tài.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Vĩnh Ảnh

2. Ông Hà Văn Châu

Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Chí Thức - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đồ Ngọc Tuyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 129/2020/TLST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 182/2020/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng N.**

Địa chỉ: đường L, phường T, quận B, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Phan Văn Bảo T**, sinh năm 1984 (theo văn bản ủy quyền ngày 30/9/2020 - có mặt).

Địa chỉ: đường T, phường 2, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Ông **Vũ Hữu C** (vắng mặt).

Bà **Nguyễn Thị C** (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: đường Q, khóm 1, phường 7, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 7 năm 2020 của nguyên đơn Ngân hàng N và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên toà sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phan Văn Bảo T trình bày:

Ngày 07/4/2015, ông Vũ Hữu C và bà Nguyễn Thị C có vay vốn của Ngân hàng N - Chi nhánh thành phố S với số tiền 850.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số: 7601-LAV-201500388 ngày 07/4/2015, lãi suất 12,0%/năm (lãi suất nợ quá hạn 150% so với lãi suất cho vay đã thỏa thuận); mục đích vay vốn: mua xe tải; thời gian cho vay 60 tháng, hạn trả cuối cùng 07/4/2020.

Để đảm bảo cho Hợp đồng tín dụng số 7601-LAV-201500388 ngày 07/4/2015, ông Vũ Hữu C và bà Nguyễn Thị C đã thế chấp cho Ngân hàng 01 xe tải nhãn hiệu: DONGFENG; Số loại: DFL1253A; Màu sơn: vàng; Loại xe tải có mui; Số máy 303387933035; Số khung: C350E7003861; Tải trọng: 10.100kg; Số chỗ ngồi: 2 chỗ; Biển số: 83C-030.24 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 001708 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 06/4/2015. Theo hợp đồng thế chấp tài sản số 221/HĐTC ngày 07/4/2015.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Vũ Hữu C và bà Nguyễn Thị C đã ủy quyền cho Ngân hàng bán tài sản thế chấp nêu trên, nên hiện nay khoản vay không có tài sản bảo đảm.

Tính đến ngày 30/9/2020 ông Vũ Hữu C và bà Nguyễn Thị C còn nợ Ngân hàng số tiền vốn là 550.558.300 đồng và tiền lãi là 492.444.695 đồng (trong đó tiền lãi trong hạn là 154.005.333 đồng và tiền lãi quá hạn là 338.439.362 đồng). Tổng cộng cả vốn và lãi là 1.043.002.995 đồng.

Nay phía nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông Vũ Hữu C và bà Nguyễn Thị C hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền vốn là 550.558.300 đồng và tiền lãi tính đến ngày 30/9/2020 là 492.444.695 đồng. Tổng cộng cả vốn và lãi là 1.043.002.995 đồng và tiếp tục thu lãi theo hợp đồng tín dụng cho đến khi trả xong tiền vay vốn.

Trong quá trình giải quyết vụ án phía bị đơn là ông Vũ Hữu C và bà Nguyễn Thị C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, nhưng bị đơn không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án cũng

đã triệu tập hợp lệ bị đơn để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như tham gia phiên Tòa, nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa hôm nay, vị đại diên Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử tiến hành nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục tố tụng. Đối với những người tham gia tố tụng thì trước và tại phiên tòa hôm nay chấp hành đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm Hội đồng xét xử, thư ký thực hiện đúng trình tự thủ tục tại phiên tòa. Đối với bị đơn là ông Vũ Hữu C và bà Nguyễn Thị C đã không chấp hành việc có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung, Vị đại diện Viện kiểm sát nêu quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của bị đơn: Ông Vũ Hữu C và bà Nguyễn Thị C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để tiếp tục xét xử vắng mặt bị đơn ông C và bà C.

[2] Về tính hợp pháp của hợp đồng tín dụng: Hợp đồng tín dụng số: 7601-LAV-201500388 ngày 07/4/2015 được Ngân hàng N - Chi nhánh thành phố S ký kết với ông Vũ Hữu C và bà Nguyễn Thị C. Các bên đều có đủ tư cách chủ thể, có đủ năng lực hành vi dân sự nên chủ thể tham gia ký kết hợp đồng là hợp pháp. Hợp đồng được lập thành văn bản các bên đều tự nguyện ký tên, đóng dấu xác nhận nên hình thức hợp đồng hợp pháp. Các đương sự thỏa thuận về toàn bộ các điều khoản trong nội dung hợp đồng, tự nguyện ký kết, không bị lừa dối ép buộc nên nội dung hợp đồng là hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền vốn là 550.558.300 đồng. Thấy rằng, tại hợp đồng tín dụng số 7601-LAV-201500388 ngày 07/4/2015 thì phía Ngân hàng N - Chi nhánh thành phố S với ông C và bà C thỏa thuận số tiền ông C và bà C vay của Ngân hàng tối đa là 850.000.000

đồng, thời gian cho vay 60 tháng, hạn trả cuối cùng 07/4/2020. Theo hợp đồng tín dụng trên phía Ngân hàng đã giải ngân cho ông C và bà C nhận số tiền vay là 850.000.000 đồng. Tuy nhiên trong quá trình vay vốn ông C và bà C không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả tiền vốn theo hợp đồng đã ký, ông Cường và bà Châm chỉ trả được số tiền vốn là 299.441.700 đồng và còn nợ lại 550.558.300 đồng. Do ông C và bà C vi phạm nghĩa vụ trả vốn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng nên phía Ngân hàng yêu cầu buộc ông C và bà C phải trả lại toàn bộ số tiền vốn vay còn nợ là có cơ sở chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn là ông C và bà C trả số tiền lãi tính đến ngày 30/9/2020 là 492.444.695 đồng (trong đó tiền lãi trong hạn là 154.005.333 đồng và tiền lãi quá hạn là 338.439.362 đồng). Thấy rằng, tại hợp đồng tín dụng số 7601-LAV-201500388 ngày 07/4/2015 các bên thỏa thuận về lãi suất cũng như nghĩa vụ trả lãi suất khi vay vốn. Trong quá trình vay vốn ông C và bà C chỉ trả được số tiền lãi là 98.681.000 đồng. Như vậy ông C và bà C đã vi phạm nghĩa vụ trả lãi theo thỏa thuận nên phía Ngân hàng yêu cầu trả lãi tính đến ngày 30/9/2020 là 492.444.695 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[5] Do bị đơn không có ý kiến bằng văn bản gửi Tòa án, không có nộp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ khẳng định: Bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền tính đến ngày 30/9/2020 là 1.043.002.995 đồng (trong đó tiền vốn 550.558.300 đồng, tiền lãi trong hạn là 154.005.333 đồng và tiền lãi quá hạn là 338.439.362 đồng).

[6] Đối với yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 01/10/2020 đến khi ông C và bà C trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, xét yêu cầu này là phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết cũng như theo quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về hợp đồng thế chấp tài sản số 221/HĐTC ngày 07/4/2015, ông Vũ Hữu Cvà bà Nguyễn Thị C đã thế chấp cho Ngân hàng 01 xe tải nhãn hiệu: DONGFENG; Số loại: DFL1253A; Màu sơn: vàng; Loại xe tải có mui; Số máy 303387933035; Số khung: C350E7003861; Tải trọng: 10.100kg; Số chỗ ngồi: 2 chỗ; Biển số: 83C-030.24 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 001708 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 06/4/2015. Trước khi khởi kiện các bên đã thỏa thuận ông C và bà C đã ủy quyền cho Ngân hàng bán tài sản thế chấp nêu trên, nên hiện nay khoản vay không có tài sản bảo đảm.

Phía nguyên đơn và bị đơn cũng không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị đơn ông Vũ Hữu C và bà Nguyễn Thị C phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ: Điều 465, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ: Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ: Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án Pháp lệnh án phí, lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

1. Buộc bị đơn ông Vũ Hữu C và bà Nguyễn Thị C trả cho nguyên đơn Ngân hàng N số tiền vốn vay còn nợ là 550.558.300 đồng và tiền lãi tính đến ngày 30/9/2020 là 492.444.695 đồng. Tổng cộng cả vốn và lãi là 1.043.002.995 đồng.

Kể từ ngày 01/10/2020 bị đơn ông Vũ Hữu C và bà Nguyễn Thị C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 7601-LAV-201500388 ngày 07/4/2015 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Vũ Hữu C và bà Nguyễn Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 43.290.089 đồng.

- Ngân hàng N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.160.000 đồng theo biên lai số 0004455 ngày 09/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố S.

4. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn thì thời hạn kháng cáo nêu trên được tính kể từ ngày nhận được

bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSNDTP Sóc Trăng;
- Chi cục THADS TP Sóc Trăng;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Phước Tài